

Bản án số:08/2025/DS-ST
Ngày: 20 - 8 - 2025
V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Xô

Bà Đinh Thị Tin

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Tiến Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 - Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thúy Diệp - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2025, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 10 - Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 71/2024/TLST-DS ngày 29/10/2024 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:13/2025/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 5 năm 2025 và các Quyết định tiến hành tố tụng khác, giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Công ty tài chính S; địa chỉ trụ sở: Toà nhà G, số 52 L, phường L, quận H, thành phố H (Người đại diện theo pháp luật: Ông O - Chức vụ: Tổng Giám đốc); Người diện theo ủy quyền của ông O: Ông Đ - Chức vụ: Giám đốc trung tâm hỗ trợ thanh toán khoản vay.

Tổ chức được Công ty tài chính S ủy quyền tham gia tố tụng: Công ty Luật TNHH MTV P (P LAWFIRM) – Người đại diện theo pháp luật: Giám đốc - Luật sư Trần Ngọc T; Người đại diện theo ủy quyền của Công ty Luật TNHH MTV P (P LAWFIRM): Chị Vũ Hà L, sinh năm 2002; địa chỉ: toà nhà T, phố C, phường T, quận N, thành phố H. Có mặt.

2.Bị đơn: Chị Mạc Thị T, sinh năm 1979; địa chỉ: Khu 3, phường Ph, thị xã K, tỉnh H (nay là phường Nh, thành phố H). Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/5/2024, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 09/9/2020, chị Mạc Thị Th có ký hợp đồng tín dụng với Công ty tài chính S để nghị vay vốn kèm hợp đồng cho vay theo số Hợp đồng 112009102067880, với số tiền được giải ngân là 74.200.000 đồng vào ngày 10/9/2020, thời hạn vay vốn 36 tháng, với lãi suất 36%/năm, mục đích vay tiêu dùng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, tổng số tiền chị Th đã thanh toán là 61.158.000 đồng (tính từ ngày 10/10/2020 đến ngày 12/4/2022). Trong đó tổng tiền gốc đã thanh toán là 27.491.784 đồng, tổng tiền lãi đã thanh toán 33.666.216 đồng. Từ sau ngày 12/4/2022 chị Th

đã không thực hiện nghĩa vụ thanh toán với Công ty tài chính S và hợp đồng của chị Th chuyển sang nợ quá hạn. Công ty tài chính S đã nhiều lần liên hệ và tạo điều kiện cho chị Th thanh toán nhưng chị Th không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Công ty tài chính S. Nay Công ty tài chính S khởi kiện yêu cầu chị Th phải trả cho Công ty tài chính S số tiền nợ được tính đến ngày 20/8/2025 là 131.497.065 đồng, trong đó nợ gốc là 46.708.216 đồng và nợ lãi là 84.788.849 đồng. Ngoài ra, chị Th phải còn phải thanh toán cho Công ty tài chính Stien lãi phát sinh theo quy định tại hợp đồng đã ký kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Bị đơn chị Mạc Thị Th trình bày: Vào ngày 09/9/2020 chị có ký hợp đồng vay vốn (giấy đề nghị vay vốn kèm hợp đồng cho vay) số 112009102067880 với Công ty tài chính S với số tiền vay là 74.200.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng với lãi suất 3%/tháng tức lãi suất 36%/năm từ ngày 09/9/2020 đến 09/9/2023, mục đích vay tiêu dùng. Chị đã trả cho phía Công ty tài chính S tổng số tiền là 61.158.000 đồng (trong đó 27.491.784 đồng là tiền trả dư nợ gốc và 33.666.216 đồng là tiền lãi) đối với khoản vay trên kể từ ngày 10/10/2020 đến ngày 11/3/2022, do điều kiện kinh tế gia đình khó khăn nên chị đã dừng thanh toán cho phía Công ty tài chính S. Hiện dư nợ gốc đối với khoản vay còn lại là 46.708.218 đồng và khoản lãi được tính theo mức lãi suất của ngân hàng đưa ra đã được hai bên thỏa thuận. Chị xác định khoản vay trên là khoản vay tiêu dùng cho mục đích cá nhân, không liên quan gì đến chồng chị và cũng không cho chồng chị biết. Nay ngân hàng khởi kiện yêu cầu trả tiền đối với khoản vay trên, thì chị xin được trả phần gốc và đề nghị Công ty tài chính S miễn tiền lãi suất.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; Chị Th vắng mặt và không có ý kiến trình bày gì thêm. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Hải Phòng phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử là đúng theo Bộ luật tố tụng dân sự; việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của đương sự cơ bản đảm bảo theo đúng quy định pháp luật. Về nội dung: Căn cứ vào các Điều 275, 278, 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Thông tư số 39/2016/TT- NHNN ngày 30/12/2016; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty tài chính S. Buộc chị Mạc Thị Th có nghĩa vụ trả cho Công ty tài chính số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 20/8/2025 là 131.497.065 đồng, gồm nợ gốc 46.708.216 đồng, lãi quá hạn 84.788.849 đồng theo giấy đề nghị vay vốn kèm hợp đồng cho vay 112009102067880 ngày 09/9/2020.

Kể từ sau ngày xét xử chị Mạc Thị Th còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận theo giấy đề nghị vay vốn kèm hợp đồng cho vay 112009102067880 ngày 09/9/2020 cho đến khi tất toán khoản vay. Về án phí: chị Mạc Thị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Xét yêu cầu khởi kiện của Công ty tài chính S về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với chị Mạc Thị Th có địa chỉ: Khu 3, phường Ph, thị xã K, tỉnh H (nay là phường Nh, thành phố H). Tại phiên tòa bị đơn vắng mặt lần thứ 2 không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Áp dụng các điều 26, 35, 39, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự TAND khu vực 10-Hải Phòng thụ lý, giải quyết, xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp.

[2]. Về nội dung yêu cầu khởi kiện của Công ty tài chính S thì thấy: Căn cứ đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng cho vay theo số Hợp đồng 112009102067880, ngày 09/9/2020 với số tiền được giải ngân là 74.200.000 đồng vào ngày 10/9/2020 giữa Công ty tài chính S và chị Mạc Thị Th được ký kết là hoàn toàn tự nguyện không trái với quy định của pháp luật. Kể từ thời điểm vi phạm hợp đồng (12/4/2022) cho đến nay chị Th đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc, nợ lãi theo hợp đồng cho Công ty tài chính S. Do vậy, để đảm bảo quy định của pháp luật, quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty tài chính S, nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty tài chính S là phù hợp.

[3] Về yêu cầu thanh toán số nợ gốc, nợ lãi: Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng: đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng cho vay theo số Hợp đồng 112009102067880, ngày 09/9/2020, chị Th đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ tiền gốc và tiền lãi của Hợp đồng kể từ ngày 11/3/2022, ngày 12/4/2022 số nợ gốc đã chuyển sang nợ quá hạn, Công ty tài chính S đã nhiều lần liên hệ và tạo điều kiện cho chị Th, nhưng chị Th không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ cho Công ty tài chính S, quá trình giải quyết chị Th đề nghị được trả phần gốc và xin miễn tiền lãi suất xong Công ty tài chính S không nhất trí. Tại phiên tòa chị Th vắng mặt, Công ty tài chính S giữ nguyên yêu cầu chị Th phải trả cho Công ty tài chính S số tiền nợ được tính đến ngày 20/8/2025 là 131.497.065 đồng, trong đó nợ gốc là 46.708.216 đồng và nợ lãi là 84.788.849 đồng. Ngoài ra, chị Th phải còn phải thanh toán cho Công ty tài chính S tiền lãi phát sinh theo quy định tại hợp đồng đã ký kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ. Xét số tiền nợ được phát sinh theo Hợp đồng số 112009102067880, ngày 09/9/2020 giữa chị Th và Công ty tài chính S nêu trên là có căn cứ, cần chấp nhận.

[4] Về án phí: Yêu cầu của Công ty tài chính S được chấp nhận nên chị Mạc Thị Th có nghĩa vụ phải nộp án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Công ty tài chính S số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ khoản 3 điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, 147; khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự ; các điều 116, 117, 119, 463, 466 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Điều 13 của Thông tư số 39/2016/TT- NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Nghị quyết 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu,

miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Xử :

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty tài chính S.

Buộc chị Mạc Thị Th phải trả Công ty tài chính S số tiền nợ được tính đến ngày 20/8/2025 là 131.497.065 đồng (*một trăm ba mươi một triệu bốn trăm chín mươi bảy nghìn sáu mươi lăm đồng*), trong đó nợ gốc là 46.708.216 đồng (*bốn mươi sáu triệu bảy trăm tám nghìn hai trăm mười sáu đồng*) và nợ lãi là 84.788.849 đồng (*tám mươi bốn triệu bảy trăm tám mươi tám nghìn tám trăm bốn mươi chín đồng*).

Kể từ ngày 21/8/2025, chị Mạc Thị Th còn phải trả tiền lãi phát sinh theo quy định tại hợp đồng đã ký cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

2. Về án phí: Buộc chị Mạc Thị Th có nghĩa vụ phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 6.574.852 đồng. Hoàn trả cho Công ty Công ty tài chính S số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.170.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006990 ngày 29/10/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kinh Môn (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 10-Hải Phòng).

3. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Toà án báo cho nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 10-Hải Phòng;
- THADS Thành phố Hải Phòng(người được ủy quyền: Trưởng phòng Phòng THADS khu vực 10-Hải Phòng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ ,VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hiền